

Biểu mẫu 1A
Thông kê số liệu về công tác kiểm tra
thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính cấp tỉnh

STT	Nội dung thống kê[1]	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Sở, ngành	UBND cấp huyện/xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC					
2	Kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị					
3	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước					
4	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008					
5	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính					
6	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)					

Biểu mẫu 1B
Thông kê số liệu về công tác kiểm tra
thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Sở Kế hoạch và Đầu tư, quý 3 năm 2019

STT	Nội dung thống kê[1]	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã			
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra công tác CCHC (KH số 10/KH-SKHĐT ngày 22/02/2019)	5/9				
2	Ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2019	1/9	3 cuộc trong kế hoạch (UBND huyện Ngã Năm; Phòng TCKH huyện Trần Đề, CLD); 02 cuộc kiểm tra ngoài kế hoạch	Hoàn thành 01 cuộc thanh tra (đã có kết luận thanh tra) và 02 cuộc kiểm tra ngoài kế hoạch; 01 cuộc đang tiến hành thanh tra; đạt 50% kế hoạch. Các cuộc còn lại sẽ được thực hiện trong những tháng cuối năm		
3	Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác pháp chế (KH số 06/KH-SKHĐT ngày 25/01/2019)					

Biểu mẫu 2B
Thống kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức
thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh, quý 3 năm 2019

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
1	Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND		
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	0	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	0	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		Đề nghị bãi bỏ
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	0	
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	0	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	
3	Rà soát VBQPPL	0	
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	2	
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	2	
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	0	
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	0	

Biểu mẫu 3B

Thông kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	Nội dung thông kê	Số liệu thông kê
1	Kế hoạch rà soát TTHC	
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC	117
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử	117
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Không
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Không

..., quý 3 năm 2019

Ghi chú

Biểu mẫu 4B

Thông kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, quý 3 năm 2019

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư	117	0	0	0	117	0	30	9	
1	Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (03 TTHC)	3				3				QĐ số 1661/QĐ-UBND ngày 14/7/2016
2	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam	28				28	23	2		QĐ số 1739/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 (25 TTHC) và ĐA30 (03 TTHC)
1	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội	8				8				QĐ số 2097/QĐ-UBND ngày 23/8/2018
4	Lĩnh vực Đấu thầu: Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) (03TTHC)	3				3				QĐ số 1405/QĐ-UBND ngày 21/5/2019
5	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Liên hiệp Hợp tác xã	15				15				QĐ số 2012/QĐ-UBND ngày 22/7/2019
6	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	60				60	7	7		QĐ số 2316/QĐ-UBND ngày 19/8/2019
II	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện	28	0	0	0	28	0	0	0	
*	<i>Đã công bố</i>									
1	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	5				5				
2	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (HTX)	19				19				QĐ số 1599/QĐ-UBND ngày 06/7/2018
3	Lĩnh vực Đấu thầu	4				4				
Tổng số		145	0	0	0	145	0	30	9	

Biểu mẫu 5B
Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính
cho người dân, doanh nghiệp Sở Kế hoạch và Đầu tư, quý 3 năm 2019

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn[1]	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn[2]	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư	690	24	666	659	658	1	31	31	0	
Tổng số											

Ghi chú : 01 hồ sơ trả quá hạn, do đã xử lý trước hạn trên văn bản giấy nhưng quên kết thúc trên phần mềm (kèm Thông báo số 14/TB-SKHĐT ngày 07/6/2019)

Biểu mẫu 6B
Thông kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính, quý 3 năm 2019

STT	Cơ quan, đơn vị	<u>Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc</u>		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	<u>Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại</u>		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	<u>Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại</u>		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
						Đủ chuẩn	<u>Thiếu chuẩn</u>			Đủ chuẩn	<u>Thiếu chuẩn</u>					
	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8		4	+1	3		12		0	0	34	+1	0	0	
1	Ban Giám đốc			4	+1	3						4	+1			
2	Văn phòng Sở							3				8				
3	Thanh tra Sở							1				3				
4	Phòng Tổng hợp, Quy hoạch, Pháp chế							2				3				
5	Phòng ĐKKD							1				4				
6	Phòng Đầu thầu, GS&TĐĐT							1				3				
7	Phòng Kinh tế							1				2				
8	Phòng Khoa giáo, Văn xã							1				3				
9	Phòng Đầu tư							2				4				
10	Trung tâm XTĐT							2								
II	Đơn vị trực thuộc	1						2				9				
	Tổng số	9	0	4	+1	3	0	14	0	0	0	43	+1	0	0	

Biểu mẫu 7B
Thống kê số liệu về CBCCVC tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, quý 3 năm 2019

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng[1] CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB, CC, VC[2]	Nâng lương thâm niên TX[7]
		Biên chế	HĐ LĐ theo ND68/2000/ND-CP		Đào tạo[3]	Bồi dưỡng nghiệp vụ[4]	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng[5]	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên[6]		
	Sở Kế hoạch và Đầu tư	34	5	39	3	12	2	0	0	2	0	0	0	0	2	4
	Trung tâm XTĐT và HTDN	9		9	1	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0
1	Tổng cộng	43	5	48	4	12	3	0	0	3	0	0	0	0	2	4

ng theo
quyền

TH[8]

5

0

5

Biểu mẫu 8B**Thống kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức,
công vụ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, quý 3 năm 2019**

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	1	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức		
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức		
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức		

Biểu mẫu 9B
Thống kê số liệu về cải cách tài chính công tại Sở Kế hoạch và Đầu tư,
quý 3 năm 2019

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	1		Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	1		Trung tâm XTĐT và HTDN
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên			
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	1		
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên			

Biểu mẫu 11B
Thông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ
bưu chính công ích (BCCI) tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, quý 3 năm 2019

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
I	Sở Kế hoạch và Đầu tư	40	690	16	Từ 26/5/2019 đến 25/8/2019
Tổng		40	690	16	

Biểu mẫu 13B

Thống kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, quý 3 năm 2019

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO		
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO		
II	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Không	Do đơn vị đã công bố lại trong năm 2018
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	6/9	Đã thực hiện
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Không	Dự kiến tháng 9/2019
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Cập nhật biểu mẫu mới về lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp theo Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
5	Nội dung khác:		

Biểu mẫu 14
Thông kê tình hình tiếp nhận và giải quyết
đơn thư khiếu nại, tố cáo tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, quý 3 năm 2019

STT	Nội dung thống kê	Số lượng			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	Ghi chú[1]
		Tiếp nhận					
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết[2]			
I	Sở Kế hoạch và Đầu tư	0	0	0	0	0	